

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Thành viên
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khương Chị Chấm	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000091 ngày 09 tháng 12 năm 2009 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 24.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính 2011.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trịnh Bửu Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 22 tháng 02 năm 2012

Số: 076/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh*

Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		107,496,237,595	96,466,083,469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5,317,719,986	3,579,590,966
1. Tiền	111		5,317,719,986	3,579,590,966
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	176,958,000	329,332,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		769,000,000	769,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(592,042,000)	(439,668,000)
III. Các khoản phải thu	130	V.03	13,728,798,243	11,527,217,106
1. Phải thu khách hàng	131		13,957,038,523	11,856,543,546
2. Trả trước cho người bán	132		711,855,949	50,214,563
3. Các khoản phải thu khác	135		627,433,825	610,578,297
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,567,530,054)	(990,119,300)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	87,954,517,147	80,225,368,570
1. Hàng tồn kho	141		88,660,607,147	80,225,368,570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(706,090,000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	318,244,219	804,574,827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	112,367,017
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	427,307,591
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		38,814,140	38,814,140
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		279,430,079	226,086,079
B. Tài sản dài hạn	200		45,653,396,171	56,173,956,136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		40,492,191,151	51,223,956,136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	40,492,191,151	48,101,739,082
- Nguyên giá	222		242,968,511,378	235,687,537,193
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202,476,320,227)	(187,585,798,111)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	3,122,217,054
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	4,950,000,000	4,950,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		3,030,000,000	3,030,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		211,205,020	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	211,205,020	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153,149,633,766	152,640,039,605

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		99,702,557,009	101,985,663,979
I. Nợ ngắn hạn	310		94,818,226,659	95,844,364,737
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	43,260,147,233	50,648,490,513
2. Phải trả người bán	312	V.10	40,356,341,428	39,280,270,585
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	3,034,659,829	509,408,419
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	425,093,519	12,986,550
5. Phải trả người lao động	315	V.12	5,594,469,506	2,952,628,009
6. Chi phí phải trả	316	V.13	475,889,693	362,631,970
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	1,407,044,563	1,724,517,803
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		264,580,888	353,430,888
II. Nợ dài hạn	330	V.15	4,884,330,350	6,141,299,242
1. Phải trả dài hạn khác	333		4,810,000,000	4,740,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	1,401,299,242
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		74,330,350	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	53,447,076,757	50,654,375,626
I. Vốn chủ sở hữu	410		53,447,076,757	50,654,375,626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424,272,909	424,272,909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652,100,000)	(652,100,000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(70,740,924)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,468,736,977	5,468,736,977
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,487,865,606	1,487,865,606
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100,000,000	100,000,000
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13,618,923,435)	(16,340,883,642)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153,149,633,766	152,640,039,605

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	60,100,728	60,100,728
5. Ngoại tệ các loại		
+ USD	106,806.92	94,440.17
+ EUR	22,47	22,47
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		320,628,152,806	235,244,750,880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,621,832,423	1,008,241,058
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	319,006,320,383	234,236,509,822
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	291,827,285,897	226,673,069,672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27,179,034,486	7,563,440,150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	144,673,044	459,874,745
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7,594,732,875	7,689,264,443
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,437,512,644	6,558,899,210
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	7,279,064,766	7,658,051,378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	8,796,153,455	6,972,743,682
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,653,756,434	(14,296,744,608)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	402,880,932	1,229,401,136
12. Chi phí khác	32	VI.08	1,334,677,159	566,602,138
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(931,796,227)	662,798,998
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		2,721,960,207	(13,633,945,610)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,721,960,207	(13,633,945,610)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	458	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	2,721,960,207	(13,633,945,610)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15,212,708,652	14,812,812,224
Các khoản dự phòng	03	1,435,874,754	296,004,916
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	70,740,924	(70,740,924)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(185,870,824)	(260,968,980)
Chi phí lãi vay	06	7,437,512,644	6,558,899,210
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	26,692,926,357	7,702,060,836
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(2,351,684,300)	2,665,940,289
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(8,435,238,577)	38,207,390
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	6,030,645,859	2,594,413,107
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(98,838,003)	112,353,720
Tiền lãi vay đã trả	13	(6,961,622,951)	(6,558,899,210)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(53,344,000)	(342,440,545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,822,844,385	6,211,635,587
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4,506,021,207)	(5,616,449,874)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	188,636,364	63,636,364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(28,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1,500,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22,312,000	207,686,741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4,295,072,843)	(3,873,126,769)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	273,422,945,474	187,893,759,373
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(282,212,587,996)	(194,993,654,515)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2,970,264,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8,789,642,522)	(10,070,159,142)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,738,129,020	(7,731,650,324)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3,579,590,966	11,116,451,295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	194,789,995
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5,317,719,986	3,579,590,966

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4703000091 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 ngày 09/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.923.480.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở hoạt động

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company.

- Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2011: 530 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, năm 2011, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10), và việc thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và các số liệu so sánh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty (15% trên tổng doanh thu). Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và y tế.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Ghi nhận doanh thu

Khi bán thành phẩm, hàng hoá doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

17. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		462,844,133	1,183,370,869
Tiền gửi ngân hàng	(*)	4,854,875,853	2,396,220,097
Cộng		5,317,719,986	3,579,590,966

(*) Bao gồm:

Tiền gửi ngân hàng bằng VND	2,629,854,153
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (106,806.92 USD)	2,224,574,530
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (22,47 EUR)	447,170
Cộng	4,854,875,853

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	(2.1)	769,000,000	769,000,000
Cộng		769,000,000	769,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2)	(592,042,000)	(439,668,000)
Giá trị thuần khoản đầu tư ngắn hạn		176,958,000	329,332,000

(2.1): Bao gồm khoản đầu tư mua cổ phiếu là 741.000.000 đồng và khoản đầu tư mua 28 trái phiếu chuyển đổi (mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, lãi suất 8%/năm) có kỳ hạn 1 năm của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh với thời hạn chuyển đổi từ trái phiếu thành cổ phiếu là từ ngày 02/8/2011 đến ngày 31/12/2011.

Tính đến ngày 31/12/2011, khoản đầu tư mua 28 trái phiếu của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh vẫn chưa được chuyển đổi thành cổ phiếu (Tỷ lệ chuyển đổi là: 1 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 72 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(2.2): Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng tồn	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Số dư dự phòng
REE	6,160	44,156	272,000,000	11,300	(202,392,000)
DHA	4,500	45,111	203,000,000	8,500	(164,750,000)
SSI	3,000	88,667	266,000,000	13,700	(224,900,000)
Cộng	13,660		741,000,000		(592,042,000)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		13,957,038,523	11,856,543,546
Trả trước cho người bán	(3.1)	711,855,949	50,214,563
Phải thu khác	(3.2)	627,433,825	610,578,297
Cộng		15,296,328,297	12,517,336,406
Dự phòng phải thu ngắn hạn		(1,567,530,054)	(990,119,300)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		13,728,798,243	11,527,217,106

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.1) Bao gồm:	Số cuối năm	
Trả trước cho người bán bằng VND	240,123,665	
Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ (17,600.00 USD)	366,572,800	
Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ (3,888.40 EUR)	105,159,484	
Cộng	711,855,949	
(3.2) Bao gồm:	Số cuối năm	
Khoản tiền cho mượn thanh toán, không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	487,323,200	
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	59,409,161	
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	57,301,464	
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân viên	22,400,000	
Các khoản phải thu khác	1,000,000	
Cộng	627,433,825	
4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	26,284,963,282	26,479,146,225
Công cụ dụng cụ	2,001,711,493	1,986,522,303
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1,523,600,477
Thành phẩm	60,301,422,961	50,163,590,154
Hàng hoá	72,509,411	72,509,411
Cộng	88,660,607,147	80,225,368,570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(706,090,000)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	87,954,517,147	80,225,368,570
5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	112,367,017
Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	427,307,591
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	38,814,140	38,814,140
Tạm ứng đến nhân viên Công ty	159,430,079	72,486,079
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120,000,000	153,600,000
Cộng	318,244,219	804,574,827

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Tổng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23,687,500,786	205,543,454,458	6,170,344,297	286,237,652	235,687,537,193
Tăng	1,725,454,545	4,987,783,716	915,000,000	-	7,628,238,261
Giảm	-	-	347,264,076	-	347,264,076
Số dư cuối năm	25,412,955,331	210,531,238,174	6,738,080,221	286,237,652	242,968,511,378
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17,029,392,323	165,923,778,497	4,346,389,639	286,237,652	187,585,798,111
Tăng	1,467,985,530	13,344,267,641	400,455,481	-	15,212,708,652
Giảm	-	-	322,186,536	-	322,186,536
Số dư cuối năm	18,497,377,853	179,268,046,138	4,424,658,584	286,237,652	202,476,320,227
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6,658,108,463	39,619,675,961	1,823,954,658	-	48,101,739,082
Số dư cuối năm	6,915,577,478	31,263,192,036	2,313,421,637	-	40,492,191,151

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.001.494.392 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn là: 225.156.084.502 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm và xây dựng mới. Nguyên giá tài sản cố định giảm do thanh lý.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	(7.1) 1,920,000,000	1,920,000,000
Đầu tư dài hạn khác	(7.2) 3,030,000,000	3,030,000,000
Cộng	4,950,000,000	4,950,000,000

(7.1): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, chiếm 24% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 8 tỷ đồng). Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

(7.2): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng (trong đó, 290.000 cổ phiếu mang tên Công ty và 10.000 cổ phiếu mang tên Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 24/9/2007) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 6% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng). Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(*) 211,205,020	-
Cộng	211,205,020	-

(*) Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bằng VND	38,960,147,233	47,749,789,755
Nợ dài hạn đến hạn trả	4,300,000,000	2,898,700,758
Cộng	43,260,147,233	50,648,490,513

Chi tiết các khoản nợ vay phát sinh trong năm:

Vay từ	Số đầu năm	Lãi trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai bằng VND (9.1)	47,749,789,755	272,011,937,174	280,801,579,696	38,960,147,233
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai bằng ngoại tệ (USD) (9.1)	-	1,411,008,300	1,411,008,300	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (9.2)	2,898,700,758	1,401,299,242	-	4,300,000,000
Cộng	50,648,490,513	274,824,244,716	282,212,587,996	43,260,147,233

(9.1): Vay từ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 05/2011/HĐ ngày 10/5/2011 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng (bao gồm vay bằng VND và ngoại tệ), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời gian cấp mức hạn mức tín dụng này là 12 tháng kể từ ngày 10/5/2011, thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ (lãi suất vay tại ngày 31/12/2011 là 17%/năm). Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn này được thuyết minh chi tiết tại mục số 6.

(9.2): Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1.

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán (10.1)	40,356,341,428	39,280,270,585
Người mua trả tiền trước (10.2)	3,034,659,829	509,408,419
Cộng	43,391,001,257	39,789,679,004

(10.1) Bao gồm:

Phải trả người bán bằng VND	38,533,516,524
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (87,518.00USD)	1,822,824,904
Cộng	40,356,341,428

(10.2) Bao gồm:

Người mua trả tiền trước bằng VND	2,875,573,482
Người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ (7,638.10 USD)	159,086,347
Cộng	3,034,659,829

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	421,969,941	-
Thuế TNCN phải nộp	3,123,578	12,986,550
Cộng	425,093,519	12,986,550

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả công nhân viên	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương nhân viên còn phải trả	5,594,469,506	2,952,628,009
Cộng	5,594,469,506	2,952,628,009

13. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả	475,889,693	362,631,970
Cộng	475,889,693	362,631,970

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	1,407,044,563	1,724,517,803

(*) Bao gồm:

Kinh phí công đoàn	312,583,047
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	462,610,127
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	631,851,389
Cộng	1,407,044,563

15. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	4,884,330,350	6,141,299,242

(*) Bao gồm:

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,810,000,000
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (*)	4,300,000,000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(4,300,000,000)
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	74,330,350
Cộng	4,884,330,350

(*): Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo hợp đồng vay vốn số 02/07/HĐVVV-TTHANH ngày 25/12/2006 với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Ngày đáo hạn của khoản vay này là 31/12/2011, lãi suất vay là 0,2%/tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59,923,480,000	-	-	59,923,480,000
Thặng dư vốn cổ phần	313,744,700	-	-	313,744,700
Vốn khác của chủ sở hữu	424,272,909	-	-	424,272,909
Cổ phiếu quỹ	(652,100,000)	-	-	(652,100,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(70,740,924)	233,547,626	162,806,702	-
Quỹ đầu tư phát triển	5,468,736,977	-	-	5,468,736,977
Quỹ dự phòng tài chính	1,487,865,606	-	-	1,487,865,606
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100,000,000	-	-	100,000,000
Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối	(16,340,883,642)	2,721,960,207	-	(13,618,923,435)
Cộng	50,654,375,626	2,955,507,833	162,806,702	53,447,076,757

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

a. Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 31/12/2011
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	34.04%	20,400,000,000	20,400,000,000
Các cổ đông khác	65.96%	39,523,480,000	39,523,480,000
Cổ phiếu quỹ	0.00%	-	(652,100,000)
Cộng	100.00%	59,923,480,000	59,271,380,000

b. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn Nhà nước	20,400,000	20,400,000	-	20,400,000	20,400,000	-
Vốn cổ đông	39,523,480	39,523,480	-	39,523,480	39,523,480	-
Thặng dư vốn	313,745	313,745	-	313,745	313,745	-
CP quỹ	(652,100)	(652,100)	-	(652,100)	(652,100)	-
Cộng	59,585,125	59,585,125	-	59,585,125	59,585,125	-

c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5,992,348	5,992,348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu thường	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	51,820	51,820
- Cổ phiếu thường	51,820	51,820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu thường	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	320,628,152,806	235,244,750,880
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	1,621,832,423	1,008,241,058
- Chiết khấu thương mại	475,618,046	497,438,225
- Hàng bán bị trả lại	944,100,741	497,126,469
- Giảm giá hàng bán	202,113,636	13,676,364
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	319,006,320,383	234,236,509,822

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	291,121,195,897	226,893,069,672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	706,090,000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(220,000,000)
Cộng	291,827,285,897	226,673,069,672
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	40,431,843	96,891,741
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22,312,000	110,795,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	81,929,201	252,188,004
Cộng	144,673,044	459,874,745
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7,437,512,644	6,558,899,210
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,846,231	299,149,941
Khoản lỗ từ hoạt động đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH MTV Thương mại VLXD Thanh Thanh)	-	749,197,292
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	152,374,000	82,018,000
Cộng	7,594,732,875	7,689,264,443
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2,117,106,659	1,516,009,575
Chi phí khấu hao TSCĐ	11,354,310	42,872,058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,584,665,861	3,512,068,722
Chi phí khác	1,565,937,936	2,587,101,023
Cộng	7,279,064,766	7,658,051,378
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4,219,093,021	3,084,909,700
Chi phí vật liệu, dụng cụ và đồ dùng văn phòng	294,677,043	165,772,429
Chi phí khấu hao TSCĐ	245,668,991	262,938,390
Chi phí dự phòng	704,296,891	249,114,318
Thuế, phí và lệ phí	1,059,670,060	1,164,177,496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619,632,401	647,348,623
Chi phí khác	1,653,115,048	1,398,482,726
Cộng	8,796,153,455	6,972,743,682

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	188,636,364	63,636,364
Thu nhập từ việc hoàn nhập chi phí khấu hao do trích dự	-	342,440,545
Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	175,838,705	733,801,560
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không phải trả	9,750,810	13,551,575
Thu nhập do xử lý hàng tồn kho thừa khi kiểm kê	28,655,053	75,971,092
Cộng	402,880,932	1,229,401,136
8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	28,379,410	10,354,125
Chi phí xử lý hàng tồn kho thiếu do kiểm kê	509,869,274	56,845,480
Xử lý các khoản công nợ không thể thu hồi	-	52,650,028
Chi phí trợ cấp thôi việc không được hỗ trợ từ khi cổ phần hóa	-	408,696,946
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	725,937,473	-
Và các khoản chi phí khác	70,491,002	38,055,559
Cộng	1,334,677,159	566,602,138
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		Năm nay
Lãi kế toán trước thuế		2,721,960,207
Cộng các khoản chi phí không được trừ		1,506,606,747
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia		(22,312,000)
Trừ lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(56,593,277)
Trừ lỗ các năm trước chuyển sang		(4,149,661,677)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay		-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		-
Thuế TNDN được giảm ước tính		-
Thuế TNDN phải nộp ước tính		-
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,721,960,207
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		2,721,960,207
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		5,940,528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		458

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo các yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	236,375,628,388	173,476,885,912
Chi phí nhân công	31,983,208,771	22,088,076,619
Chi phí khấu hao TSCĐ	15,212,708,652	14,812,812,224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,841,319,743	17,821,788,524
Chi phí khác	10,098,829,267	8,578,038,590
Cộng	317,511,694,821	236,777,601,869

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đang được kiểm tra quyết toán thuế từ năm 2006 đến năm 2010 bởi cơ quan thuế. Ảnh hưởng về thuế phải nộp bổ sung (nếu có) sẽ được ghi nhận và điều chỉnh trong BCTC của năm tiếp theo.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không còn bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố tên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (Fico)	Nhà đầu tư	Hoàn trả khoản nhận hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	(700,000,000)
Công ty Cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(1,355,685,000)
		Thanh toán tiền hàng	1,553,032,500
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(212,601,235)
		Thanh toán tiền hàng	212,601,235
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(3,846,501,629)
		Thanh toán tiền hàng	4,040,468,827
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(15,113,800,060)
		Thanh toán tiền hàng	15,915,055,821

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (Fico)	Nhà đầu tư	Phải thu (khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo)	22,400,000
		Phải trả (Gốc vay)	(4,300,000,000)
		Phải trả (Lãi vay)	(467,265,302)
Công ty Cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(137,275,000)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(1,094,833,429)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả (mua hàng)	(3,516,408,031)

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 02 năm 2012